

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

MIỀN Ý NIỆM NGUỒN *CUỘC HÀNH TRÌNH* TRONG THƠ VÀ TRƯỜNG CA THU BỒN

ĐÀO DUY TÙNG* - TRƯƠNG PHI YẾN**

TÓM TẮT: Vận dụng lí thuyết ẩn dụ ý niệm, bài viết khảo sát 228 tác phẩm thơ và trường ca Thu Bồn, xác định được 183 bài (80,3%) có miền nguồn *CUỘC HÀNH TRÌNH*, với 316 biểu thức ẩn dụ. Miền nguồn này có phạm vi áp dụng rộng và mang tính hệ thống, cấu trúc hoá bốn miền đích trừu tượng cốt lõi: CÁCH MẠNG, CUỘC ĐỜI, TÌNH YÊU và CÁI CHẾT. Trọng tâm ý nghĩa chính xuyên suốt là mô hình tiến trình vận động liên tục, đầy thử thách, đòi hỏi ý chí và hành động chủ động hướng đến đích; được chuyển tải qua ba ẩn dụ trung tâm: TRẢI NGHIỆM SỐNG LÀ HÀNH TRÌNH, CON NGƯỜI LÀ LỮ KHÁCH, SỰ KIỀM ĐỊNH VÀ THÀNH TỰU LÀ VIỆC VƯỢT QUA (CÁC) CHẶNG ĐƯỜNG. Kết quả nghiên cứu cho thấy *CUỘC HÀNH TRÌNH* là ý niệm then chốt, kiến tạo cấu trúc tri nhận nền tảng, phản ánh tư duy nghệ thuật nhất quán và triết lí dân thân đặc trưng của Thu Bồn, đồng thời góp phần minh chứng hiệu quả ứng dụng lí thuyết ẩn dụ ý niệm trong nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại.

TỪ KHOÁ: *CUỘC HÀNH TRÌNH*; Thu Bồn; phạm vi của ẩn dụ; trọng tâm ý nghĩa chính; ánh xạ trung tâm.

NHẬN BÀI: 26/02/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/06/2026

1. Dẫn nhập

Ngôn ngữ và ẩn dụ ý niệm trong văn chương, về bản chất, không phải là một hiện tượng riêng biệt, mà là sự tái hoạt động của ngôn ngữ và ẩn dụ ý niệm thường nhật mang tính quy ước. Tuy nhiên, như G. Lakoff & M. Turner (1989), Z. Kövecses (2010) đã chỉ ra, điều làm nên tính đặc biệt của ẩn dụ văn chương là ở chỗ các nhà thơ, nhà văn cải biến một cách sáng tạo những khuôn mẫu ẩn dụ thông thường qua bốn thao tác chủ yếu: (1) mở rộng (extending), (2) chi tiết hoá (elaboration), (3) nêu nghi vấn (questioning) và (4) kết hợp (combining). Điều cần lưu ý là những nhà thơ lớn, như những thợ thủ công bậc thầy, về căn bản cũng sử dụng cùng một thứ công cụ như bao người khác. Nhưng chính tài năng và kĩ năng, kết tinh từ sự chú ý, nghiên cứu và rèn luyện bền bỉ, đã tạo nên khoảng cách giữa nghệ sĩ ngôn từ và người thường (Lakoff, G., Turner, M., 1989; Kövecses, Z., 2010).

Ẩn dụ ý niệm có thể được nghiên cứu theo hai cách bổ trợ cho nhau. Theo đó, người nghiên cứu có thể đặt vấn đề: (1) Những miền nguồn nào áp dụng cho một miền đích cụ thể, và (2) Một miền nguồn cụ thể có thể áp dụng cho những miền đích nào? (Lakoff, G., Johnson, M., 1980; Kövecses, Z., 2005, 2010). Trong bài viết này, chúng tôi sẽ lí giải vấn đề thứ hai, nghĩa là khảo sát, lí giải phạm vi ánh xạ của miền nguồn *CUỘC HÀNH TRÌNH* sang các miền đích trong thơ và trường ca Thu Bồn.

Để thực hiện mục tiêu này, chúng tôi vận dụng bộ ba khái niệm công cụ do Z. Kövecses (2010) đề xuất: (1) phạm vi của ẩn dụ (scope of metaphor), trọng tâm ý nghĩa chính (main meaning focus) và ánh xạ trung tâm (central mapping). Theo Z. Kövecses (2010), phạm vi của ẩn dụ là phạm vi các miền ý niệm đích mà một miền ý niệm nguồn nhất định áp dụng được. Trọng tâm ý nghĩa chính của ẩn dụ là nội dung tri nhận liên quan đến miền nguồn đã được văn hoá quy ước, chấp nhận, gắn liền với miền nguồn và được miền nguồn chuyển tải một cách có hệ thống sang các miền đích. Ánh xạ trung tâm là ánh xạ nền tảng, từ đó các ánh xạ cụ thể khác được dẫn xuất, đồng thời, nó là kênh chuyển tải trọng tâm ý nghĩa chính từ miền nguồn lên miền đích.

*TS; Đại học Cần Thơ; Email: ddtung@ctu.edu.vn

**Học viên cao học, Đại học Cần Thơ; Email: tpyen752@gmail.com

Trên cơ sở khung lí thuyết này, bài viết tập trung lí giải cách miên ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH áp dụng cho bốn miên ý niệm đích tiêu biểu trong thơ và trường ca Thu Bồn: CÁCH MẠNG, CUỘC ĐỜI, TÌNH YÊU và CÁI CHẾT. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi không phân tích bốn thủ pháp như mở rộng, chi tiết hoá, nêu nghi vấn và kết hợp, mà chỉ tập trung làm rõ cơ chế vận hành của phạm vi ẩn dụ, trọng tâm ý nghĩa chính và ánh xạ trung tâm trong thể giới nghệ thuật của Thu Bồn. Qua đó, nghiên cứu này không chỉ góp phần làm rõ đặc trưng tư duy và phong cách Thu Bồn qua miên ý niệm CUỘC HÀNH TRÌNH - một mã nghệ thuật quan trọng - mà còn củng cố thêm khả năng ứng dụng của lí thuyết ẩn dụ ý niệm trong việc lí giải văn học Việt Nam hiện đại.

2. Phạm vi của miên ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

Trong thực tế, một miên nguồn duy nhất có thể đặc trưng hoá cho nhiều miên đích khác nhau. Tuy nhiên, điều này ít được chú ý. Có lí do thoả đáng giải thích tại sao một ý niệm đích duy nhất được hiểu thông qua nhiều ý niệm nguồn: Một nguồn duy nhất không thể đảm đương hết được nhiệm vụ này, bởi vì các ý niệm có nhiều khía cạnh riêng biệt và các ẩn dụ giải quyết những khía cạnh riêng biệt này. Trên thực tế, hầu hết các miên nguồn cụ thể dường như không chỉ mô tả một miên đích duy nhất mà là nhiều miên đích. Điều này đặt ra câu hỏi thực nghiệm và lí thuyết thú vị: Một ý niệm nguồn đơn lẻ có thể áp dụng cho bao nhiêu miên đích và những loại miên đích nào? Vấn đề này được gọi là câu hỏi về phạm vi của ẩn dụ (scope of metaphor). Ở đây, phạm vi của ẩn dụ được hiểu là phạm vi các trường hợp, tức là các miên đích, mà một miên nguồn nhất định có thể áp dụng.

Trong thơ và trường ca Thu Bồn, chúng tôi thấy miên nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH được sử dụng một cách có hệ thống và linh hoạt để đặc trưng hoá cho không chỉ một, mà là nhiều miên đích trừu tượng khác nhau, cấu thành nên thể giới nghệ thuật đa chiều, giàu triết lí. Khảo sát 228 tác phẩm (217 bài thơ, 11 trường ca), kết quả thu được 183/228 tác phẩm có ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH, chiếm 80,3%; số biểu thức ngôn ngữ mang tính ẩn dụ là 316. Ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH ánh xạ lên bốn ý niệm đích tiêu biểu, nổi trội: CÁCH MẠNG, CUỘC ĐỜI, TÌNH YÊU và CÁI CHẾT, cụ thể như Bảng 1 bên dưới.

Bảng 1. Bảng thống kê phạm vi của miên ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

STT	Phạm vi của ý niệm CUỘC HÀNH TRÌNH	Số bài		Số biểu thức ngôn ngữ mang tính ẩn dụ	
		Số bài	Tỉ lệ %	Số lần	Tỉ lệ %
1	CÁCH MẠNG LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH	59	32,24	103	32,59
2	CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH	52	28,42	94	29,75
3	TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH	48	26,23	60	18,99
4	CÁI CHẾT LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH	24	13,11	59	18,67
Tổng		183	100%	316	100%

CUỘC HÀNH TRÌNH ⇒ CÁCH MẠNG

Từ bảng số liệu khảo sát, có thể thấy, ẩn dụ CUỘC HÀNH TRÌNH đóng vai trò trung tâm trong sáng tác của Thu Bồn, xuất hiện ở 183 bài, với 316 biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ. Nổi bật trong đó là ẩn dụ CÁCH MẠNG LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, với 59/183 bài, chiếm 32,24%, và 103/316 biểu thức ẩn dụ, chiếm 32,59%. Những con số này cho thấy hành trình cách mạng không chỉ là đề tài, mà còn là mạch cảm hứng chủ đạo, thấm sâu vào trải nghiệm và lí tưởng sống của nhà thơ.

CÁCH MẠNG được ý niệm hoá như CUỘC HÀNH TRÌNH vĩ đại, hành trình của cả dân tộc nói chung và của các chiến sĩ nơi tuyến đầu nói riêng, với những người bạn đồng hành, những chặng đường gian lao, thử thách và đích đến thiêng liêng. Dấu ấn của ẩn dụ này hiện lên rõ nét qua một số câu thơ tiêu biểu như:

- (1) Trăng sáng rồi, mang dép lại hành quân/ Mòn nhẵn tháng năm bạn với đường rừng [1, tr.31]
- (2) Trăm hòng súng quân thù chúng tôi đã vượt [1, tr.444]
- (3) Phân đội tạm dừng/ cần một người cảm tử/ đi trước dò đường cho phân đội tiến lên [1, tr.414]
- (4) Dép đã cùng ta bao phen rượt địch [1, tr.31]
- (5) Đôi bạn diu nhau qua những chỗ hiểm nguy [1, tr.395]
- (6) Bộ đội ta về đêm chiến thắng [1, tr.37]

Có thể thấy, ẩn dụ CÁCH MẠNG LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn khắc họa một cuộc hành trình không ngơi nghỉ, băng qua muôn vàn hiểm nguy và trở lực. Nhưng trên hành trình ấy, tinh thần đồng đội bền chặt, cao cả và ý chí sắt son đã nâng bước người lính, biến gian khổ thành phẩm chất, biến đau thương thành sức mạnh để hướng về bến bờ độc lập, tự do.

CUỘC HÀNH TRÌNH ⇒ CUỘC ĐỜI

Chiếm tỉ lệ cao thứ hai trong hệ thống ẩn dụ là mô hình CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, với 52/183 bài, chiếm 28,42%, và 94/316 biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ, chiếm 29,75%. Ở đây, CUỘC ĐỜI được ý niệm hoá như một tiến trình tuyến tính: có điểm khởi nguồn, có lộ trình (vững bước, bước qua, vượt cạn), có chướng ngại (ổ gà đời sống), và có khát vọng trở về (về, cập bờ). Đó không chỉ là sự dịch chuyển trong không gian, mà còn là những chuyển động của nội tâm, của kiếp người trong dòng thời gian. Ví dụ:

- (7) Chân vững bước qua muôn nghìn đêm tối [1, tr.24]
- (8) Qua gập ghềnh trắc trở của ổ gà đời sống ngổn ngang [1, tr.151]
- (9) Ba mươi năm một chuyến đi/ Chưa xong chuyến lại thân cò sang sông [1, tr.197]
- (10) Những con tàu rẽ sóng giữa phong ba [1, tr.62]
- (11) Khi con đã cập bờ thế gian [1, tr.340]

Qua ẩn dụ CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, Thu Bồn đã kiến tạo một mô hình tri nhận đa tầng: kinh nghiệm cá nhân hoà quyện với cảm giác cơ thể, kí ức lịch sử và chiêm nghiệm nhân sinh. Hành trình đời người trong thơ và trường ca của ông không đơn thuần là sự di chuyển trên mặt đất mà còn là cuộc dịch chuyển của tinh thần, của cảm xúc và của tư tưởng. Đó là quá trình trưởng thành qua thử thách, là mối quan hệ gắn bó giữa người đi - kẻ ở, giữa khát vọng ra đi và nỗi nhớ quay về. Hệ thống biểu đạt ấy không chỉ làm giàu cho thế giới hình ảnh, mà còn mở ra một trường ý niệm nhân sinh giàu chiều sâu. Vì thế, thơ và trường ca Thu Bồn không chỉ là những dòng chữ nằm yên trên trang giấy mà còn cựa quậy, trở thành mã văn hoá, triết lí sống. Ở đó, sự dấn thân và ý thức về tính liên đới xã hội song hành như hai mặt của hành trình: hành trình của cái riêng - mỗi người, và cũng là hành trình của cái chung - xã hội.

CUỘC HÀNH TRÌNH ⇒ TÌNH YÊU

Xếp thứ ba trong hệ thống ẩn dụ là mô hình TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, với 48/183 bài, chiếm 26,23%, và 60/316 biểu thức ẩn dụ, chiếm 18,99%. Ở miền đích này, TÌNH YÊU không được ý niệm hoá như một trạng thái tĩnh lặng, mà là một CUỘC HÀNH TRÌNH không ngừng vận động: có những cuộc tìm kiếm (tìm, phương hướng), những bước đồng hành (bên nhau, dắt nhau), những trắc trở (xa cách, vực thẳm), và cả những bến bờ chờ đợi hay đích đến (bến, sang sông).

- (12) Anh sẽ tìm em từ phương Đông cho đến trời Tây [1, tr.188]
- (13) Yêu em anh mới đến đây [1, tr.175]
- (14) Tuổi trẻ cùng đi phủ xanh những đồi sỏi đá/ rồi dắt nhau về quỳ lạy giữa đình trung [1, tr.162]
- (15) Bây giờ con sáo đã sang sông [1, tr.212]
- (16) Em còn đợi chuyến đò sau/ Hay là không thể đợi nhau bờ này? [1, tr.197]
- (17) Lòng anh... bến đợi một lời của em [1, tr.200]

Ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn không chỉ là sản phẩm của lối nói bóng bẩy thuần tuý, mà được kết tinh từ chính trải nghiệm sống của thi sĩ - chiến sĩ. Những hình tượng đò, bến, sông, đường, cánh buồm, chuyến đi,... không chỉ có tính tả thực, mà còn trở thành những kí hiệu văn hoá thấm đẫm tri thức của tác giả, trong hệ thống tri thức bản địa của người

Việt. Đó là ẩn dụ cho sự lênh đênh, trôi dạt và khát vọng trở về của tâm hồn giữa dòng chảy lịch sử và tình cảm.

Tình yêu trong thơ và trường ca Thu Bồn vì thế không dừng lại ở cảm xúc lãng mạn thuần túy, mà còn là một hành trình hiện sinh, theo đó, con người không ngừng kiếm tìm bản ngã và ý nghĩa tồn tại, giữa những biến động của thời đại, giữa chiến tranh và hoà bình, giữa chia ly và hội ngộ. Do vậy, CUỘC HÀNH TRÌNH không chỉ là một phương tiện nghệ thuật, mà là nền tảng của cấu trúc tri nhận chủ đạo, phản ánh sâu sắc kinh nghiệm sống của người lính luôn hành quân giữa các cung đường chiến trường, và cũng là thi sĩ luôn trần trụi với những cung đường riêng của trái tim. Qua đó, TÌNH YÊU trở thành cách con người định vị chính mình: trong vũ trụ, trong lịch sử, và trong nỗi cô đơn của sự tồn tại.

CUỘC HÀNH TRÌNH ⇒ CÁI CHẾT

Dù có tỉ lệ ít nhất về số bài, 24/183 bài, chiếm 13,11%, nhưng ẩn dụ CÁI CHẾT LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH lại có tần suất biểu thức ẩn dụ đáng chú ý, 59/316, chiếm 18,67%. Điều này cho thấy: mỗi khi suy nghiệm về cái chết, ranh giới sau cùng của kiếp người, nhà thơ khai thác miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH một cách đậm đặc hơn, như một nỗ lực dùng chính những hình ảnh quen thuộc nhất của sự sống để làm dịu đi cái hữu hạn của đời người.

CÁI CHẾT được ý niệm hoá như một hành trình chuyển tiếp: là sự ra đi (*đi, mở đường*), là sự trở về (*về đất mẹ*), là giấc ngủ yên bình (*ngủ đi anh*), và trên hết, là sự hoá thân vĩnh viễn vào thiên nhiên, vào ký ức cộng đồng.

(18) *Anh bỏ làng đi một sớm tinh mơ*. [1, tr.235]

(19) *Anh sẽ mở con đường qua lê súng quân thù*. [1, tr.276]

(20) *Đưa anh về đất mẹ bình yên*. [1, tr.369]

(21) *Đất quê hương con ngoan hãy ngủ* [1, tr.395]

Ở ví dụ (21), CÁI CHẾT không còn là sự chấm dứt, mà là GIÁC NGỦ DÀI, điểm dừng của một hành trình đã đi trọn vẹn. Không bi ai, không hãi hùng, CÁI CHẾT trong thơ và trường ca Thu Bồn trở thành một sự trở về ấm áp, một cuộc hội ngộ với đất mẹ, với cội nguồn. Người lính ngã xuống nhưng vẫn tiếp tục hành trình trong lòng đất, trong hồn thiêng sông núi.

Từ những phân tích trên, có thể thấy miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn có phạm vi ánh xạ rộng, bao quát nhiều bình diện cốt lõi của thân phận con người: từ hành trình lịch sử - xã hội (CÁCH MẠNG), hành trình hiện sinh (CUỘC ĐỜI), hành trình cảm xúc (TÌNH YÊU), cho đến hành trình suy nghiệm về cõi vô hình (CÁI CHẾT). Điểm chung của tất cả các miền đích này là những hệ thống trù tượng phức tạp, có tính tiến trình, nghĩa là chúng chứa đựng các yếu tố như điểm khởi đầu, diễn biến, thử thách và đích đến. Cấu trúc quen thuộc của một CUỘC HÀNH TRÌNH (người đồng hành, lộ trình, phương tiện, chướng ngại, đích đến/ bến bờ) đã trở thành một khuôn mẫu ý niệm đặc dụng, giúp nhà thơ tổ chức, hình dung và truyền tải một cách sinh động những ý niệm trù tượng, khó nắm bắt. Từ đó, chúng ta có thể khái quát hoá mang tính hệ thống: CÁC HỆ THỐNG TRÙ TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH. Mối quan hệ này được thể hiện qua lược đồ phạm vi ẩn dụ như bên dưới:

Lược đồ 1. Phạm vi áp dụng của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn



Có thể thấy, kết quả trên không chỉ khẳng định tính đúng đắn của nhận định lí thuyết về phạm vi rộng của một miền nguồn trong ẩn dụ ý niệm, mà còn cung cấp những bằng chứng sinh động từ thực tiễn sáng tác văn học Việt Nam hiện đại. Điều quan trọng hơn, nó cho thấy sức mạnh của ẩn dụ ý niệm như một công cụ tư duy và kiến tạo thế giới nghệ thuật. Với Thu Bồn, hành trình không chỉ là đề tài, không chỉ là cảm hứng, mà là một ý niệm trung tâm, chi phối cách nhà thơ nhìn thế giới, cách

nhà thơ tổ chức ngôn từ và cách nhà thơ trao gửi những suy tư về con người, lịch sử và số phận. Nhờ đó, thơ và trường ca của ông không ngừng vận động, như chính những CUỘC HÀNH TRÌNH mà ông lấy làm cơ sở. Và ở đó, người đọc không chỉ bắt gặp hình ảnh người lính băng suối, vượt rừng, mà còn thấy bóng dáng con người, kẻ lữ hành muôn thuở trên hành trình vô tận của kiếp sống.

3. Trọng tâm ý nghĩa chính của miền ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

Điểm chung xuyên suốt các ẩn dụ ý niệm có miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn là đều tập trung vào việc cấu trúc hoá và diễn giải các ý niệm trừu tượng như những tiến trình vận động liên tục, có hướng đích, đầy thử thách và đòi hỏi sự chủ động, ý chí của chủ thể. Hầu hết các biểu thức ẩn dụ đều nắm bắt một số đặc điểm nổi bật và có hệ thống của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH: tính tiến trình, sự dịch chuyển có hướng, việc vượt qua chướng ngại, sự kiên trì/ ý chí và mục đích/ đích đến. Dấu ấn của những đặc điểm này hiện diện qua sự nổi trội của các cách diễn đạt như: *hành quân, đi, lên đường, về, vượt qua, tìm, dòu nhau, bền, dò, sang sông, ngã xuống,...* trong toàn bộ phạm vi ngữ liệu khảo sát. Điều này được gọi là trọng tâm ý nghĩa chính (main meaning focus), nghĩa là hệ thống ngữ liệu thuộc các ý niệm được chia sẻ, qua đó miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH cung cấp một cách có chọn lọc và nhất quán các đặc tính cốt lõi cho những miền đích mà nó ảnh xạ.

Mỗi miền nguồn thường được liên kết với một (hoặc một vài) trọng tâm ý nghĩa cụ thể. Trọng tâm ấy mang tính quy ước cố định và thống nhất trong cộng đồng ngôn ngữ - văn hoá; nó diễn hình cho hầu hết các trường hợp của miền nguồn; và là đặc trưng riêng của miền nguồn đó. Miền đích, khi tiếp nhận ánh xạ, sẽ kế thừa (các) trọng tâm ý nghĩa ấy. Trong trường hợp thơ và trường ca Thu Bồn, miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH được khai thác với một trọng tâm ý nghĩa xuyên suốt, mạnh mẽ, đó là: mô hình về sự nghiệp, cuộc đời, tình cảm hay cả một giai đoạn lịch sử được hiểu như một lộ trình đầy gian nan, cần phải kiên trì vượt qua bằng hành động và ý chí, hướng tới một mục đích cao cả hoặc một ý nghĩa nào đó.

Ở cả bốn miền đích CÁCH MẠNG, CUỘC ĐỜI, TÌNH YÊU và CÁI CHẾT, trọng tâm ý nghĩa hành động chủ động vượt qua thử thách để tiến tới đích đều chiếm ưu thế, dù được biểu hiện với những sắc thái và cấp độ khác nhau.

Với CÁCH MẠNG LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, trọng tâm là ở tính tiến trình có tổ chức, sự hi sinh và hướng đích. CÁCH MẠNG không phải là trạng thái, mà là một chuỗi hành động liên tục (*hành quân, lên đường, xuất trận*), đối mặt với trở lực (*phải vượt qua, băng rừng, chặn lối*) và hướng về chiến thắng, độc lập (*về đêm chiến thắng*). Điểm then chốt còn là sức mạnh và sự bền bỉ của hành trình tập thể (*cùng, dòu nhau, cõng nhau*).

Với CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, trọng tâm là sự vận động không ngừng, trải nghiệm và kiếm tìm ý nghĩa. CUỘC ĐỜI là một chuyến đi với những bước tiến (*bước qua, vượt cạn*), những chướng ngại (*ổ gà đời sống*), những phương tiện (*chuyến đò, con tàu rẽ sóng*) và khát vọng trở về, tìm bến đỗ (*về với mẹ, cập bờ*).

Với TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, trọng tâm là sự tìm kiếm, đồng hành và những trắc trở. Tình yêu là một lộ trình đòi hỏi sự kiếm tìm (*tìm em giữa vô cùng*), sự cùng nhau bước đi (*dắt nhau, dòu nhau*), việc vượt qua khó khăn (*vượt núi cao*) và những quyết định tại các ngã rẽ, bến bờ (*đợi chuyển đò sau, sang sông*).

Với CÁI CHẾT LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH, trọng tâm là sự chuyển tiếp sang một trạng thái khác, sự hy sinh có mục đích và sự an nghỉ. CÁI CHẾT không phải là hư vô, mà là một sự ra đi (*đi, mở đường*), một sự trở về (*về đất mẹ*), một sự giải thoát (*bay... đến cõi thần tiên*) và cuối cùng là giấc ngủ yên bình (*ngủ đi anh*).

Thông thường, CUỘC HÀNH TRÌNH cần có người đồng hành, điểm xuất phát, lộ trình, chướng ngại, phương tiện và đích đến. Nếu thiếu ý chí, sự kiên định hoặc khả năng vượt qua trở ngại, hành trình có thể thất bại, lạc lối hoặc dừng lại. Đó là hiểu biết cơ bản, trọng tâm và được chia sẻ rộng rãi về kinh nghiệm HÀNH TRÌNH trong tri nhận phổ quát của con người. Trong cộng đồng văn hoá Việt Nam,

nhất là trong bối cảnh lịch sử chiến tranh và tư duy nhân sinh coi trọng sự vận động, hiểu biết này càng trở nên điển hình và sâu sắc. Với vai trò là thi sĩ - chiến sĩ, Thu Bồn đã khai thác triệt để và sáng tạo trọng tâm ý nghĩa chính này của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH để kiến tạo nên một thế giới nghệ thuật thống nhất. Ở đó, mọi phương diện của đời sống, từ cá nhân đến lịch sử, từ tình cảm đến bản thể luận, đều được nhìn nhận qua cùng một lăng kính: lăng kính của sự dấn thân, vận động và hướng tới.

4. Ánh xạ trung tâm của miền ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

Từ việc nhận diện trọng tâm ý nghĩa chính, có thể tiếp tục khảo sát cách tri thức trọng tâm ấy được thể hiện qua hệ thống ánh xạ đặc trưng cho ẩn dụ CUỘC HÀNH TRÌNH trong thế giới nghệ thuật của Thu Bồn. Các ánh xạ cấu thành ẩn dụ CÁCH MẠNG/ CUỘC ĐỜI/ TÌNH YÊU/ CÁI CHẾT LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH được biểu hiện cụ thể như sau:

Lược đồ 2. Ánh xạ trung tâm của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

Miền nguồn: CUỘC HÀNH TRÌNH	Miền đích: CÁCH MẠNG/ CUỘC ĐỜI/ TÌNH YÊU/ CÁI CHẾT
(a) lữ khách	⇒ chủ thể trải nghiệm hoặc thực hiện hành trình Ví dụ: <i>chiến sĩ, kẻ lữ hành, em và anh, chúng tôi</i>
(b) điểm khởi hành	⇒ sự bắt đầu của một trạng thái, giai đoạn, hoặc quá trình Ví dụ: <i>tòng quân, xa nhà, ra đi, bước vào đời</i>
(c) lộ trình/ con đường	⇒ tiến trình phát triển hoặc diễn biến của sự việc Ví dụ: <i>dặm trường, con đường cách mạng, lối đi, chặng đường đời</i>
(d) phương tiện di chuyển	⇒ công cụ, phương cách hoặc điều kiện để tiến hành hành trình Ví dụ: <i>đôi dép, con thuyền, chiếc xe, cánh buồm</i>
(e) chướng ngại vật/ trở ngại	⇒ khó khăn, thử thách trong quá trình Ví dụ: <i>ô gà, vực thẳm, bão tố, quân thù</i>
(f) hành động di chuyển	⇒ sự biến đổi, tiến triển hoặc nỗ lực vượt qua Ví dụ: <i>đi, về, vượt qua, sang sông, trở lại</i>
(g) hành trình kết thúc/ điểm dừng	⇒ sự kết thúc một giai đoạn, sự hy sinh hoặc giải thoát Ví dụ: <i>ngã xuống, cập bờ, giải thoát, giấc ngủ dài</i>
(h) đích đến/ bến đỗ	⇒ mục tiêu, kết quả hoặc trạng thái cuối cùng Ví dụ: <i>bến bờ, tự do, cõi thần tiên, đất mẹ</i>

Tám ánh xạ trên, dù phong phú và đa dạng, vẫn có thể được quy về ba ánh xạ trung tâm (central mappings) mà không làm mất đi ý nghĩa cốt lõi của ẩn dụ CUỘC HÀNH TRÌNH:

Lược đồ 3. Ba ánh xạ trung tâm của miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn

Miền nguồn	Miền đích
(1) hành trình vật lí	⇒ quá trình trải nghiệm hoặc biến đổi của đời sống/ tinh thần (từ các ánh xạ b, c, f)
(2) lữ khách	⇒ chủ thể chịu tác động và kiến tạo ý nghĩa trong hành trình (từ các ánh xạ a, d)
(3) sự vượt qua chướng ngại và đạt đến đích	⇒ sự kiên trì, hi sinh và khát vọng hoàn thành mục đích (từ các ánh xạ e, g, h)

Ba ánh xạ trung tâm này có thể được diễn đạt lại dưới dạng các ẩn dụ nguyên cấp: TRẢI NGHIỆM SỐNG LÀ HÀNH TRÌNH, CON NGƯỜI LÀ LỮ KHÁCH, SỰ KIÊN ĐỊNH VÀ THÀNH TỰU LÀ VIỆC VƯỢT QUA (CÁC) CHẶNG ĐƯỜNG.

Như vậy, CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn không đơn thuần là ẩn dụ tu từ, mà là một ý niệm tri nhận trung tâm, một cấu trúc tư duy xuyên suốt, qua đó nhà thơ tổ chức và diễn đạt các trải nghiệm hiện sinh, lịch sử và tình cảm một cách nhất quán và sinh động. Ở chiều sâu bền vững nhất, miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thế giới nghệ thuật của Thu Bồn hàm nghĩa về sự dần thân và vượt qua. Chính trọng tâm ý nghĩa về sự nỗ lực không ngừng nghỉ này đã được chuyển tải trọn vẹn sang các miền đích, tạo nên cốt cách hào hùng và bi tráng đặc trưng trong thơ và trường ca ông. Ở đó, con người không bao giờ đứng yên mà luôn chuyển động để tìm kiếm lí tưởng và ý nghĩa của sự sống.

5. Kết luận

Vận dụng bộ ba khái niệm then chốt của lí thuyết ẩn dụ ý niệm (*phạm vi ẩn dụ, trọng tâm ý nghĩa chính và ánh xạ trung tâm*) vào khảo sát hệ thống ẩn dụ trong thơ và trường ca Thu Bồn, nghiên cứu đã làm rõ cách thức ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH vận hành, tạo ra cấu trúc tri nhận nền tảng, chi phối thế giới nghệ thuật của nhà thơ.

Thứ nhất, về phạm vi ẩn dụ, miền nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ và trường ca Thu Bồn có một phạm vi áp dụng rộng và có hệ thống, bao quát bốn miền đích trù tượng then chốt: CÁCH MẠNG, CUỘC ĐỜI, TÌNH YÊU và CÁI CHẾT. Số liệu thống kê định lượng không chỉ khẳng định vị trí trung tâm của ẩn dụ này, mà còn cho thấy một khuôn mẫu ý niệm linh hoạt, có khả năng tổ chức những hệ thống kinh nghiệm phức tạp thành những cấu trúc dễ tri nhận, mang tính tuyên tính và hướng đích. Từ đó, có thể đưa ra một khái quát hoá có giá trị trong thế giới nghệ thuật Thu Bồn: CÁC HỆ THỐNG TRÙU TƯỢNG PHỨC TẠP LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH.

Thứ hai, về trọng tâm ý nghĩa chính, nghiên cứu chỉ ra rằng Thu Bồn đã nhất quán khai thác và chuyển tải trọng tâm ý nghĩa xuyên suốt từ miền nguồn sang các miền đích: mô hình về một tiến trình vận động liên tục, đầy thử thách, đòi hỏi ý chí, sự kiên trì và hành động chủ động của chủ thể để hướng tới mục đích, đích đến ý nghĩa. Dù là hành trình lịch sử (CÁCH MẠNG), hành trình hiện sinh (CUỘC ĐỜI), hành trình cảm xúc (TÌNH YÊU) hay hành trình bản thể (CÁI CHẾT), tất cả đều được cấu trúc hoá xoay quanh trục ý nghĩa cốt lõi CUỘC HÀNH TRÌNH, tạo nên một thế giới quan thống nhất, giàu tính chủ động và lí tưởng.

Thứ ba, về ánh xạ trung tâm, từ hệ thống các ánh xạ thành phần phong phú, có thể rút gọn thành ba ánh xạ trung tâm đóng vai trò then chốt: TRẢI NGHIỆM SỐNG LÀ HÀNH TRÌNH, CON NGƯỜI LÀ LỮ KHÁCH, SỰ KIÊN ĐỊNH VÀ THÀNH TỰU LÀ VIỆC VƯỢT QUA (CÁC) CHẶNG ĐƯỜNG. Ba ánh xạ này, vốn có thể được diễn đạt như những ẩn dụ nguyên cấp, chính là cơ chế chuyển tải trực tiếp trọng tâm ý nghĩa chính. Từ đó, chúng chi phối và tạo ra các biểu thức ngôn ngữ cụ thể, làm nên mạng lưới ẩn dụ phong phú trong thơ và trường ca Thu Bồn.

Tóm lại, vận dụng bộ khung lí thuyết của Kövecses (2010), chúng tôi không chỉ mô tả mà còn giải thích được cơ chế nội tại trong hệ thống ẩn dụ của Thu Bồn. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thông nhất biện chứng giữa tư duy nghệ thuật và tư duy đời sống: nhà thơ đã sử dụng một mô hình ý niệm phổ quát (CUỘC HÀNH TRÌNH) với trọng tâm ý nghĩa được văn hoá chia sẻ rộng rãi, nhưng thông qua tài năng và trải nghiệm cá nhân, đặc biệt là trải nghiệm của thi sĩ - chiến sĩ, tác giả đã cấu trúc hoá một cách sáng tạo thế giới nghệ thuật của mình. Qua đó, thơ và trường ca Thu Bồn hiện lên không chỉ như tiếng nói của một thời đại hào hùng, mà còn như một diễn ngôn triết lí sâu sắc về con người không ngừng dần thân, vượt qua và kiếm tìm ý nghĩa giữa dòng chảy của lịch sử và số phận. Nghiên cứu này, bên cạnh việc góp phần làm rõ đặc trưng thi pháp Thu Bồn qua miền ý niệm nguồn CUỘC HÀNH TRÌNH - mã nghệ thuật quan trọng - còn củng cố thêm khả năng ứng dụng hiệu quả lí thuyết ẩn dụ ý niệm trong việc lí giải văn học Việt Nam hiện đại. Nghiên cứu cũng củng cố hướng tiếp cận liên ngành giữa ngôn ngữ học tri nhận và thi pháp học, những công cụ phân tích của khoa học tri nhận có thể soi sáng những bí ẩn của sáng tạo nghệ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Kövecses Z. (2005), *Metaphor in Culture: Universality and Variation*, Cambridge University Press.
2. Kövecses, Z. (2010), *Metaphor: A Practical Introduction* (2nd Edition), Oxford University Press.
3. Lakoff, G., Johnson M. (1980), *Metaphors We Live By*, The University of Chicago press.
4. Lakoff, G., Turner, M., (1989), *More than Cool Reason: A Field Guide to Poetic Metaphor*, The University of Chicago Press.

DẪN LIỆU

1. Ngô Thảo *tuyển chọn* (2021), *Thu Bồn tác phẩm, Tập 1: Thơ - Trường ca*, Nxb Văn học.

The conceptual source domain of *JOURNEY* in Thu Bon's poetry and epics

Abstract: Drawing on Conceptual Metaphor Theory (CMT), this article examines 228 poems and epics by Thu Bon, identifying 183 works (80.3%) that employ the JOURNEY source domain through 316 metaphorical expressions. This domain is both pervasive and systematic, structuring four core abstract target domains: REVOLUTION, LIFE, LOVE, and DEATH. The central theme consistently conveyed is a continuous, arduous process of movement that demands willpower and proactive engagement toward a destination. This conceptualization is articulated through three primary metaphors: LIVED EXPERIENCE IS A JOURNEY, HUMAN BEINGS ARE TRAVELERS, and PERSEVERANCE AND ACHIEVEMENT ARE OVERCOMING STAGES OF A PATH. The findings confirm that JOURNEY is a foundational cognitive structure reflecting Thu Bon's consistent artistic vision and his distinctive philosophy of commitment. Furthermore, this study demonstrates the efficacy of applying CMT to the analysis of modern Vietnamese literature.

Key words: JOURNEY; Thu Bon; scope of metaphor; main meaning focus; central mapping.